

Số: 165 /TTr-UBND

Tuy Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc Thẩm tra, đề nghị xét công nhận thành phố Tuy Hòa hoàn thành
nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019**

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Tiêu chí thành phố nông thôn mới và Quy định thành phố, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp tỉnh Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị Quyết số 23-NQ/TU của Tỉnh ủy đã đề ra một số giải pháp đột phá trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG XDNTM trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định 04/2019/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Ban hành Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 22/12/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Tuy Hòa về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Tuy Hòa giai đoạn 2014 -2015 và định hướng đến năm 2020;

Thực hiện Kế hoạch số 1989/KH-UBND ngày 14/12/2010 của UBND thành phố Tuy Hòa về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Thực hiện Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 23/5/2019 của UBND thành phố Tuy Hòa về lập hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Tuy Hòa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019;

Căn cứ Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 24/6/ 2019 của UBND thành phố Tuy Hòa về kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2019 của thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 24/6/2019 của UBND thành phố Tuy Hòa về việc đề nghị xét, công nhận thành phố Tuy Hòa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019;

UBND thành phố Tuy Hòa kính trình UBND tỉnh Phú Yên thẩm tra, xét công nhận thành phố Tuy Hòa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019 như sau:

Đến nay, thành phố Tuy Hòa được UBND tỉnh Phú Yên công nhận 04/04 xã (đạt 100% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới trong đó:

Xã Bình Kiến được công nhận “xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm 2014 tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của UBND tỉnh Phú Yên.

Xã Bình Ngọc được công nhận “xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm 2016 tại Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Phú Yên.

Xã Hòa Kiến được công nhận “xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm 2015 tại Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Phú Yên.

Xã An Phú được công nhận “xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm 2015 tại Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Phú Yên.

1. Kết quả chỉ đạo, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Tuy Hòa

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh Phú Yên về việc triển khai tổ chức thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Tuy Hòa đã triển khai thực hiện các nội dung sau:

Kế hoạch số 1989/KH-UBND ngày 14/12/2010 của UBND thành phố Tuy Hòa về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 22/12/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Tuy Hòa về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Tuy Hòa giai đoạn 2014 -2015 và định hướng đến năm 2020;

Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 23/5/2019 của UBND thành phố Tuy Hòa về lập hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Tuy Hòa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019;

UBND các xã đều ban hành Nghị quyết, kế hoạch và thành lập Ban quản lý thôn để triển khai thực hiện chương trình trên từng địa bàn, cộng đồng dân cư của từng xã.

Ban chỉ đạo chương trình, Ban quản lý đều xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm để triển khai thực hiện chương trình. Thường xuyên củng cố Ban chỉ đạo, Văn phòng điều phối, Ban quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đã tập trung cả hệ thống chính trị vào cuộc để xây dựng nông thôn mới với tinh thần quyết tâm, thực hiện quyết liệt, hoạt động đồng bộ trên cơ sở xác định trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Đến cuối năm 2016 thành phố có 04/04 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, phần đầu đến năm 2020 xã Bình Kiến đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên.

2. Kết quả huy động nguồn lực

Tổng nguồn lực giai đoạn 2011 - 2019 là 420,084 tỷ đồng. Trong đó,

- Ngân sách tỉnh (trực tiếp + lồng ghép): 53,793 tỷ đồng, chiếm 12,8%.
- Ngân sách thành phố: 16,203 tỷ đồng, chiếm 3,9 %.
- Ngân sách xã: 6,706 tỷ đồng, chiếm 1,6%.
- Vốn vay tín dụng (người dân, doanh nghiệp vay để phát triển sản xuất): 52,500 tỷ đồng, chiếm 12,5%.
- Doanh nghiệp (trong đó có cả các doanh nghiệp nhà nước đầu tư hệ thống hạ tầng như công trình về giao thông, thủy lợi, điện lực, nhà ở, nước sạch...): 16,986 tỷ đồng, chiếm 4%.
- Nhân dân đóng góp: 273,896 tỷ đồng, chiếm 65,2%. Trong đó:

+ Nguồn nhân dân đóng góp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: 273,781 tỷ đồng, chiếm 65,18%.

+ Nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất; đầu tư chuyển đổi cơ cấu kinh tế hộ gia đình là: 0,15 tỷ đồng, chiếm 0,02%.

3. Kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn

3.1 Công tác quy hoạch

Các xã trên địa bàn thành phố Tuy Hòa đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch, nhiệm vụ quy hoạch phân khu. Căn cứ các nội dung quy hoạch được duyệt, các xã lập Đề án xây dựng nông thôn mới trình UBND thành phố Tuy Hòa phê duyệt, thực hiện công bố, công khai theo quy định bằng các hình thức niêm yết bản đồ quy hoạch tại trung tâm xã, tại các thôn, cụm dân cư từng xã, bảng pano công bố quy hoạch rộng rãi để người dân được biết và thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, UBND thành phố Tuy Hòa chỉ đạo UBND các xã thường xuyên rà soát, cập nhật điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Đề án cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

3.2 Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

- Về trồng trọt: Thành phố chọn các cây trồng phù hợp với điều kiện thực tế về nông nghiệp của thành phố. Các cây chủ yếu thành phố tập trung phát triển trong thời gian qua như: Sản xuất rau màu các loại có ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, gắn với phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và góp phần giải quyết việc làm cho người lao động địa phương, tăng cường hệ thống khuyến nông, bảo vệ thực vật và các dịch vụ sản xuất nông nghiệp: Diện tích gieo trồng năm 2018 là 3.705,4ha chiếm 57,9% toàn thành phố, Hiện thành phố đang thực hiện “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP”.

Sản xuất cây hoa phát triển theo hướng luân canh với sản xuất rau và sản xuất trong sân vườn, tập trung vào 02 mô hình phát triển: Mô hình trồng hoa cúc, vạn thọ, + Sản xuất lúa gạo: được duy trì ở khu vực 04 xã Hòa Kiến, Bình Kiến, Bình Ngọc và An Phú, diện tích gieo trồng là 4.11,7 ha, sản lượng 30.991 tấn, năng suất bình quân 75,4 tạ/ha.

Thành phố tập trung phát triển thủy sản chủ yếu tại xã An Phú, Bình Kiến, trong đó: khai thác thủy sản tập trung ở An Phú và sản xuất giống thủy sản tại xã Bình Kiến. Năm 2018 sản xuất tôm thẻ chân trắng khoảng 1.058 triệu con và khai thác thủy sản đạt 2.098 tấn.

Riêng chăn nuôi gia súc, gia cầm thành phố đang thực hiện lộ trình ngưng chăn nuôi đến năm 2020 sẽ chấm dứt chăn nuôi trên địa bàn thành phố. Trong năm 2018 số lượng gia súc, gia cầm trên toàn thành phố như sau: Heo 6.994 con;

Trâu, bò: 7.835 con; Dê: 384 con; Gia.cầm: 267 ngàn con, tập trung chủ yếu ở 4 xã.

- Về Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn tiếp tục được phát triển ổn định, thể hiện được vai trò và vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; góp phần tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân, giảm khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các xã khu vực nông thôn so với các phường.

- Về phát triển thương mại - dịch vụ: Thành phố luôn quan tâm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động ổn định, nhất là các cơ sở vừa và nhỏ, quản lý tốt hoạt động của chợ; tăng cường các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhất là trong điều kiện sản xuất hàng hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra hàng năm, thành phố phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại tỉnh tổ chức các cuộc Hội chợ thương mại với tiêu đề "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" phục vụ tốt cho sinh hoạt, tiêu dùng của nhân dân. Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn 04 xã năm 2018 đạt 3,459 tỷ đồng.

- Về hoạt động tín dụng: Hoạt động tín dụng trên địa bàn 04 xã nông thôn phát triển khá tốt, tập trung huy động, góp phần tích cực cho vay đầu tư sản xuất, kinh doanh của nhân dân 04 xã. Hiện trên địa bàn 4 xã có điểm giao dịch ngân hàng gồm ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh...và các quỹ tín dụng HTX. Hàng năm tỷ lệ huy động vốn từ nhân dân của các ngân hàng và quỹ tín dụng HTX trên địa bàn 04 xã đạt hơn 300 triệu đồng/năm; mỗi năm các ngân hàng, quỹ tín dụng HTX cho các hộ dân vay phát triển sản xuất, chăn nuôi, làm kinh tế với số tiền khoảng 650 triệu đồng/năm.

- Thực hiện các chương trình giảm nghèo đã hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tiếp tục được sự quan tâm hỗ trợ của toàn xã hội, đã xây dựng được 173 căn nhà tình thương cho hộ nghèo với tổng số tiền 2,430 triệu đồng (*trong đó: Vốn ngân sách tỉnh 1,473 tỷ đồng/56 hộ; thành phố 865 triệu đồng/94 hộ; xã 92 triệu đồng/23 hộ*)

Kết quả, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các xã giảm mạnh: Qua điều tra khảo sát năm 2011 trên địa bàn 04 xã có 779 hộ nghèo trên tổng số 8.051 hộ, chiếm tỉ lệ 1% so với hộ dân. Qua gần 10 năm thực hiện chương trình giảm nghèo, địa bàn 04 xã đã thực hiện giảm còn 174 hộ (bao gồm hộ nghèo), hạ tỷ lệ hộ nghèo từ 1% năm 2011 còn 0,02% tháng 5 năm 2019 (giảm 605 hộ).

- Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân nông thôn tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên. Bên cạnh đó, các chương trình giảm nghèo, dạy nghề được triển khai trên

địa bàn cũng góp phần trong đạt tiêu chí về lao động có việc làm trong xây dựng nông thôn mới... Từ năm 2011 đến nay, thành phố tổ chức đào tạo nghề theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Ngoài ra, số lao động được đào tạo nghề tại các cơ sở dạy nghề ngoài thành phố và số lao động đào tạo nghề tại các khu, cụm công nghiệp và tổ chức tập huấn về khuyến nông với 48 lớp gồm: Kỹ thuật trồng và nhân giống nấm; kỹ thuật tạo dáng và chăm sóc cây cảnh; chăn nuôi thú y... cho 1.336 lượt người; duy trì phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp, để vừa thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động tại địa phương; Chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm tại chỗ đã hỗ trợ giải quyết: 2.588 lao động, với tổng số tiền vay trên 50,958 tỷ đồng từ Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Phú Yên, tập trung chủ yếu là số lao động làm trong lĩnh vực buôn bán, dịch vụ... Từ 2011 – 2018, thành phố đã giải quyết việc làm cho 4.703/4.718 người. Thành phố phấn đấu tăng nhanh và bền vững mức thu nhập bình quân của người dân nông thôn, tăng mức thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn các xã năm 2020 \geq 41,52 triệu đồng/người/năm.

3.3 Kết quả xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm đầu tư, đến nay cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống người dân.

- Giao thông: Hệ thống giao thông nông thôn 04 xã được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Tổng tuyến đường trên địa bàn 04 xã là 721 tuyến với tổng chiều dài 149,558 km đã được đầu tư cứng hóa.

Đường trục xã, liên xã: gồm có 11 tuyến với chiều dài 29,95km, đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng toàn bộ, Đường trục thôn, liên thôn: gồm có 223 tuyến với chiều dài 59,05km, Đường trục chính nội đồng có 50 tuyến dài 24,615km được cứng hóa.

- Thủy lợi: Đã sửa chữa, nâng cấp 02 công trình trạm bơm và 29,656 km kênh mương dẫn nước với tổng kinh phí 6,984 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ tưới tiêu cho sản xuất.

- Hệ thống điện: Trên địa bàn các xã có 45,734 km đường dây điện; trong đó 26,534 km đường dây trung thế; 19,2 km đường dây hạ thế với 34 trạm biến áp; phân bố đều đến các thôn, đáp ứng cung cấp nhu cầu sinh hoạt cho người dân và hoạt động sản xuất 8.806/8.806 hộ dân sử dụng điện thường xuyên an toàn, tiết kiệm.

- Trường học: Hiện nay, cơ sở vật chất trường học của mỗi xã đều đạt trên 80%. Trong đó, có 03/13 đơn vị trường học đã đạt chuẩn cấp quốc gia (TH Quang Trung – Bình Ngọc; TH Nguyễn Kim Vang – Bình Kiến; THCS Trần Phú – Hòa Kiến).

- Cơ sở vật chất văn hóa: Thành phố đã xây dựng và nâng cấp sửa chữa 20/20 thôn văn hóa ở 04 xã đạt 100%.

3.4 Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường và đời sống tinh thần của người dân nông thôn

- Giáo dục: Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh các cấp học; chỉ đạo khắc phục có hiệu quả tình trạng học sinh lưu ban, bỏ học giữa chừng; củng cố giữ vững, nâng cao chất lượng PCGD và XMC. Đến nay, thành phố có 04/04 xã đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ 5 tuổi; 04/04 xã đạt chuẩn PCGD TH mức 3; 04/04 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức 3; 04/04 xã đạt chuẩn XMC mức 2. Các đơn vị THCS của 04 xã đã triển khai tổ chức tốt công tác tư vấn, hướng nghiệp nghề cho học sinh khối 8,9, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Hiện nay ở các xã, số học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp...) bình quân đạt từ 94,9% trở lên; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo bình quân đạt từ 67,5% trở lên.

- Y tế: Thực hiện các chương trình y tế quốc gia theo chuẩn mới; nhân lực mỗi trạm có đủ biên chế chuyên môn để phục vụ cho tuyến y tế cơ sở (5-6 người), hiện có 02/04 xã có bác sĩ làm việc thường xuyên, 02 xã có bác sĩ tăng cường, bảo đảm công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh từ tuyến thành phố đến tuyến xã, 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Khống chế, xử lý kịp thời dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ mắc bệnh và tử vong trên địa bàn. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn 04 xã năm 2018 là 28.312/31.402 người đạt tỷ lệ 90,16%, cả 04/04 xã đạt chuẩn tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Yên (trên 90%).

Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng được triển khai thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ có hiệu quả, đến nay tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) trên địa bàn 04 xã đạt 528/2.911 người đạt 18,1% (chỉ tiêu đề ra là dưới 22%). Với mục tiêu giảm mạnh tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi, thành phố chú trọng công tác tuyên truyền và giáo dục kiến thức phòng chống suy dinh dưỡng, nhất là suy dinh dưỡng chiều cao.

- Văn hóa: Thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn luôn được chú trọng, nâng cao về chất lượng. Trong đó, công tác xây dựng “Gia đình văn hóa” và “Thôn văn hóa” đã đạt được những kết quả quan trọng, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Kết quả đến cuối năm 2018 trên địa bàn 04 xã nông thôn mới có 8.079/8.624 hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 93,7%. Có 18/20 thôn thuộc 04 xã đạt danh hiệu thôn văn hóa, đạt tỷ lệ 90%.

- Môi trường và an toàn thực phẩm: Thành phố ban hành kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch đã đề ra các giải pháp quyết liệt, mang tính đột phá để sớm khắc phục và cải thiện vấn đề môi trường, cụ thể:

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng; vận động nhân dân xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiến tới xây dựng xã hội ít chất thải.

Công bố công khai thông tin về môi trường để cộng đồng theo dõi, giám sát. Vận động, khuyến khích hộ gia đình, cá nhân phát hiện, kịp thời phản ánh các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, cùng chính quyền địa phương giám sát các trường hợp đã bị xử lý vi phạm hành chính, thông tin kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng các trường hợp hủy hoại môi trường.

Phát động các phong trào thi đua “Xanh, Sạch, Đẹp” trên địa bàn các xã nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí trong quá trình đầu tư nâng cấp các tiêu chí nông thôn mới, cũng nhằm nâng cao vai trò của người dân tham gia xây dựng cảnh quan nông thôn, nhất là việc giữ gìn vệ sinh môi trường, tham gia trồng cây xanh, chủ động làm đẹp sân vườn, tường rào, dọn dẹp rác thải làm cho môi trường ngày càng sạch, đẹp hơn.

Tăng cường đầu tư hệ thống cấp nước sạch tập trung phục vụ tốt nhu cầu người dân, tỷ lệ hộ dân trên địa bàn thành phố sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh theo quy Quy chuẩn Quốc gia là 8.524/8.806 hộ dân, đạt tỷ lệ 96,8% hộ dân sử dụng nước sạch.

Về an toàn thực phẩm: trên địa bàn 04 xã hiện có 427 cơ sở kinh doanh thực phẩm trong đó có 297 cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; 148 cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ có bản cam kết kinh doanh đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn, 98% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

5. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn

Hàng năm thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm chuẩn hóa trình độ chuyên môn, chính trị; củng cố nguồn nhân lực và hoàn thiện bộ máy các cơ quan, đơn vị, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ thực tế tại địa phương. Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn 04 xã được nâng cao; năng lực, uy tín lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng và Đảng viên tăng lên. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước được thực hiện sâu rộng đến tận người dân và được cụ thể hoá thành những mục tiêu nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương. Công tác giáo dục quốc phòng và bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho các đối tượng được tăng cường, từng bước đi vào nền nếp.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, đảm bảo an ninh trật tự ở khu vực nông thôn. Trên địa bàn không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại kinh tế, tuyên truyền trái pháp luật, khiêu khích đông người kéo dài. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn.